



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ

Phòng Thông tin - Văn hoá

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh

Hà Nội, Việt Nam

(84-4) 831-4580 -- Fax: (84-4) 831-4601

BỘ NGOẠI GIAO HOA KỲ
CHƯƠNG TRÌNH THÔNG TIN QUỐC TẾ
BẦU CỬ MỸ NĂM 2000

CÁC ĐẢNG PHÁI CHÍNH TRỊ Ở MỸ

JOHN F. BIBBY

John F. Bibby là giáo sư khoa học chính trị tại trường đại học Winconsin, Kilwaukee, đồng thời là cựu chủ tịch cơ quan nghiên cứu về các đảng phái chính trị thuộc Liên hiệp Khoa học Chính trị Mỹ. Là người có chuyên môn về quản lý và nền chính trị Mỹ, Bibby là tác giả cuốn Chính trị, Đảng phái chính trị và bầu cử ở Mỹ.

Khi những người sáng lập ra nước Mỹ đưa ra bản Hiến pháp vào năm 1787, họ đã không để cho các đảng phái chính trị có một vai trò trong trật tự chính phủ. Thực ra thông qua những quy định trong Hiến pháp những gì họ tìm kiếm chính là sự phân chia quyền lực, kiểm chế và đối trọng, và bầu cử tổng thống một cách gián tiếp thông qua một cử tri đoàn với mục đích là làm cho nước cộng hòa non trẻ này không phải chịu ảnh hưởng của các đảng phái chính trị.

Bất chấp ý định của những người sáng lập, nước Mỹ là quốc gia đầu tiên mà ở đó các đảng phái chính trị được hình thành trên toàn quốc và quyền hành pháp được chuyển giao từ đảng này sang đảng khác thông qua một cuộc bầu cử được tiến hành năm 1800.

SỰ XUẤT HIỆN VÀ HÌNH THÀNH TRÀN LAN CÁC ĐẢNG PHÁI CHÍNH TRỊ

Sự phát triển của các đảng phái chính trị gắn bó chặt chẽ với sự mở rộng quyền bầu cử khi tiêu chuẩn để đi bầu cử là phải có quyền sở hữu tài sản được dỡ bỏ vào đầu những năm 1800. Với số lượng cử tri vô cùng lớn như vậy đòi hỏi phải có phương tiện để huy động được số lượng cử tri đông đảo đó. Các đảng phái chính trị đã được thể chế hóa để có thể hoàn thành nhiệm vụ quan trọng này. Do vậy các đảng phái chính trị đã xuất hiện như một phần của cuộc cách mạng dân chủ, và vào những năm 1830 chúng là một bộ phận được thiết lập vững chắc trong nền chính trị Mỹ.

Ngày nay, Đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ đã thâm nhập hoàn toàn vào tiến trình chính trị Mỹ. Gần 2/3 số dân Mỹ tự coi mình là những người thuộc đảng Cộng hòa hoặc đảng Dân chủ, và ngay cả những người nói rằng họ là những người độc lập cũng có khuynh hướng ủng hộ các đảng và tỏ lòng trung thành cao độ đối với đảng mình ủng hộ. Chẳng hạn như trong năm cuộc bầu cử tổng thống được tiến hành trong giai đoạn 1980-1996, trung bình 75% những cử tri độc lập, những người có khuynh hướng ủng hộ đảng Cộng hòa hoặc đảng Dân chủ đều bỏ phiếu cho ứng cử viên tổng thống của đảng mà họ ủng hộ.

Ảnh hưởng của các đảng phái cũng lan tới cả đảng cầm quyền. Hai chính đảng chi phối chức tổng thống, Quốc hội, chức thống đốc bang và ngành lập pháp của các bang. Kể từ năm 1856 tổng thống đều là người của đảng Cộng hòa hoặc đảng Dân chủ và ở giai đoạn sau chiến tranh thế giới thứ hai, số phiếu bầu cho tổng thống của hai chính đảng trung bình là 95%.

Sau các cuộc bầu cử năm 1988, trong Quốc hội có duy nhất một đại diện được bầu với tư cách là ứng cử viên độc lập, trong khi chỉ có 20 (0,003%) trong số hơn 7,300 thành viên cơ quan lập pháp các bang không phải là người của đảng Dân chủ hay đảng Cộng hòa. Hai chính đảng tổ chức cả chính phủ ở trung ương và ở các bang.

Mặc dù về tư tưởng các đảng phái chính trị có xu hướng kém liên kết so với nhiều nền dân chủ khác song họ đóng một vai trò rất lớn trong việc hình thành chính sách chung. Thực vậy, kể từ các cuộc bầu cử năm 1994, các thành viên đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ đều cho thấy họ có những khác biệt về chính sách rất rõ rệt và sự thống nhất cao độ bất thường trong đảng. Điều này đã tạo ra bầu không khí xung đột vô cùng gay gắt trong các đảng, mà đặc biệt là ở Hạ viện. Trong giai đoạn quyền kiểm soát chính phủ được phân chia cho các đảng, thì các cuộc xung đột đảng phái xảy ra liên tục giữa tổng thống Clinton thuộc đảng Dân chủ và Quốc hội do đảng Cộng hòa kiểm soát. Sự chia rẽ đảng phái đặc biệt sâu sắc trong các cuộc luận tội tổng thống của Quốc hội năm 1998-1999. Tình trạng chia rẽ gay gắt trong các đảng phái trong Quốc hội và giữa ngành Lập pháp và Hành pháp đã phản ánh mức độ thống nhất hơn về tư tưởng song lại cách biệt hơn trong đường lối chính sách của các thành viên trong đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ ở Quốc hội trong những năm 1990.

HỆ THỐNG HAI ĐẢNG

Chạy đua tranh cử giữa hai đảng là một trong những đặc điểm nổi bật và bền vững nhất của hệ thống chính trị Mỹ. Kể từ những năm 1860, các thành viên đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ đã chi phối nền chính trị dựa trên bầu cử của Mỹ. Thành tích vô địch này của hai đảng luôn chi phối nền chính trị dựa trên bầu cử của một quốc gia đã phản ánh những khía cạnh có tính chất cơ cấu của hệ thống chính trị cũng như những nét đặc biệt của các đảng phái chính trị Mỹ.

Ở Mỹ, việc đưa ra tiêu chuẩn để bầu các thành viên cơ quan lập pháp quốc gia và ở các bang chính là hệ thống khu vực bầu cử "một đại diện"- điều này có nghĩa là bất cứ ai nhận được đa số phiếu tức là đã được bầu. Không giống như hệ thống dựa trên tỷ lệ, quy định khu vực bầu cử "một đại diện" cho phép một đảng chỉ có thể thắng cử tại một khu vực nhất định. Do vậy hệ thống khu vực bầu cử một đại diện tạo ra những khuyến khích để hình thành hai đảng với cơ sở rộng, có khả năng giành đa số phiếu ở khu vực bầu cử, trong khi làm cho các đảng nhỏ hơn và các đảng thứ ba hầu như phải chịu thất bại liên tục - chứ không phải đem lại cho họ một liều thuốc trường sinh trừ phi họ có thể kết hợp sức mạnh với một đảng lớn.

Sự thúc đẩy hơn nữa về mặt hiến pháp để tiến tới chủ nghĩa hai đảng chính là do hệ thống cử tri đoàn tạo ra, nhóm này được lập ra để bầu chọn tổng thống. Để được bầu làm tổng thống đòi hỏi ứng cử viên phải giành được đa số tuyệt đối trên tổng số 538 phiếu bầu của 50 bang. Đối với các đảng thứ ba yêu cầu này là cực kỳ khó khăn nếu họ muốn giành được chức tổng thống mà không có sự kết hợp với một đảng lớn. Thêm vào đó, phiếu bầu của các bang riêng lẻ được quy định theo nguyên tắc "người thắng được tất". Để giành được phiếu bầu của một bang, yêu cầu chính là phải giành được đa số phiếu bầu phổ thông trong phạm vi của bang. Giống như hệ thống khu vực bầu cử "một đại diện", hệ thống cử tri đoàn gây bất lợi cho các đảng thứ ba, những đảng này có rất ít cơ hội giành được bất cứ phiếu bầu nào của cử tri ở bang và tự cử tri đoàn lôi kéo đủ số lượng các bang để chọn tổng thống.

Với việc đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ nắm quyền kiểm soát cỗ máy chính phủ, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi họ tạo ra các quy định bầu cử khác nhau có lợi cho các chính đảng của họ. Riêng việc chỉ để có một cái tên của một đảng mới trên lá phiếu thôi cũng có thể là một công việc rất tốn kém và khó khăn. Ví dụ, luật tiếp cận lá phiếu ở Pennsylvania yêu cầu đảng mới phải có được 99000 chữ ký nếu muốn có tên các ứng cử viên của họ trên lá phiếu. Thêm vào đó, Đạo luật Vận động Bầu cử Liên bang đem lại cho các chính đảng những lợi ích đặc biệt, kể cả nguồn tài chính từ quỹ công cho vận động tranh cử tổng thống (hơn 60 triệu năm 2000), cho các đại hội toàn quốc, và cho các ứng cử viên tổng thống.

So với hầu hết các nền dân chủ khác. Quá trình chỉ định ứng cử viên có một không hai của Mỹ cũng là một cản trở có tính chất cơ cấu nữa đối với các đảng thứ ba. So với các nền dân chủ khác trên thế giới, Mỹ là nước duy nhất dựa vào các cuộc bầu cử sơ bộ để chỉ định các ứng cử viên của đảng vào các chức vụ nhà nước và quốc hội và dựa vào các cuộc bầu cử tổng thống sơ bộ ở các bang trong việc lựa chọn ứng cử viên tổng thống. Ở hầu hết các nước, việc chỉ định ứng cử viên ra tranh cử do các tổ chức đảng kiểm soát. Nhưng ở Mỹ, cử tri là người quyết định cao nhất ai sẽ là ứng cử viên của đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ. Lẽ dĩ nhiên, hệ thống này đã góp phần tạo nên một thực tế là Mỹ có các tổ chức đảng chính thức, yếu kém hơn

Quá trình chỉ định ứng cử viên có tính chất tham dự này cũng góp phần dẫn đến sự chi phối của đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ đối với nền chính trị dựa trên bầu cử trong suốt hơn 140 năm qua. Bằng việc giành được sự chỉ định từ trong đảng, người được chỉ định có thể giành quyền được tiếp cận với lá phiếu trong cuộc tổng tuyển cử và do đó sẽ tăng cường được cơ hội giành chiến thắng mà không cần phải tổ chức các đảng thứ ba. Do đó, quá trình chỉ định ứng cử viên sơ bộ có xu hướng gây bất đồng trong hai chính đảng và các phân tử bất đồng không cần thiết phải tham gia vào công việc đầy khó khăn, đó là hình thành một đảng thứ ba.

SỰ ỦNG HỘ TRÊN NHIỀU PHƯƠNG DIỆN VÀ QUAN ĐIỂM ÔN HÒA

Các đảng phái chính trị Mỹ giành được sự ủng hộ từ nhiều tầng lớp và trên nhiều phương diện. Ngoại trừ các cử tri Mỹ - Phi chiếm gần 90% là của đảng Dân chủ, cả hai đảng Cộng hòa và Dân chủ đều giành được sự ủng hộ rất quan trọng từ hầu hết các nhóm kinh tế xã hội lớn trong nước. Mặc dù người ta thường cho rằng các thành viên đảng Dân chủ, trong hầu hết các cuộc bầu cử có thể hy vọng giành được ít nhất là 1/3 số phiếu bầu của Liên đoàn lao động, và trong vài năm đảng này đã đạt được tới 46% (1984). Tương tự, trong khi sự ủng hộ cho đảng Cộng hòa giảm xuống khi mức thu nhập tăng lên, các ứng cử viên tổng thống thuộc đảng Dân chủ thường có thể hy vọng giành được sự ủng hộ đáng kể từ các cử tri thuộc tầng lớp thượng lưu. Ví dụ, năm 1996, Bill Clinton và đối thủ là Bob Dole đạt được số phiếu bầu xấp xỉ nhau khi mức thu nhập hàng năm của cử tri dao động giữa 50 và 75000 đô la. Các đảng phái chính trị ở Mỹ cũng cho thấy sự thống nhất trong nội bộ của họ là khá thấp, và thiếu sự tuân thủ nghiêm túc đối với tư tưởng và một loạt các mục tiêu chính sách. Theo thông lệ, trước tiên họ quan tâm tới vấn đề thắng cử và kiểm soát nhân sự của chính phủ. Với sự ủng hộ dựa trên cơ sở kinh tế xã hội rộng lớn và sự cần thiết phải vận hành trong một xã hội mà về mặt tư tưởng phần lớn là ôn hòa nên các đảng ở Mỹ về cơ bản đều đưa ra những quan điểm khá mềm dẻo. Cách thức này làm cho các thành viên đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ có thể chịu đựng được sự phong phú đa dạng trong ngôi thứ của họ, điều này góp phần tăng cường khả năng thu hút đảng thứ ba và phản đối các phong trào chống đối khi chúng xảy ra.

CÁC ĐẢNG BỊ PHI TẬP TRUNG HOÁ

Khó có thể phóng đại mức độ mà ở đó các đảng phái chính trị Mỹ nổi bật nhờ cơ cấu quyền lực bị phi tập trung hoá. Trong nội bộ đảng cầm quyền, các tổng thống không thể khẳng định được rằng các thành viên Quốc hội của đảng họ sẽ là những ứng cử viên trung thành cho các chương trình của tổng thống, các nhà lãnh đạo đảng trong Quốc hội cũng không thể hy vọng các thành viên trong đảng của họ luôn biểu quyết ủng hộ đường lối của đảng.

Trong hệ thống đảng, các uỷ ban vận động tranh cử vào Quốc hội của đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ (gồm các nghị sĩ đương nhiệm) tự động điều hành từ các uỷ ban đảng ở trung ương. Ngoại trừ phạm vi quyền hạn hạn hẹp đối với các thủ tục lựa chọn đại biểu dự đại hội toàn quốc, các tổ chức đảng ở trung ương hiếm khi xía vào quan hệ nội bộ của đảng ở các bang.

Mức độ chia rẽ về tổ chức này một phần phản ánh hậu quả của hệ thống phân chia quyền lực theo Hiến pháp, hệ thống này chỉ tạo ra những khuyến khích hạn chế đối với sự thống nhất trong đảng giữa các thượng nghị sĩ với lãnh

tự của đảng. Nguyên tắc chủ nghĩa liên bang theo hiến pháp càng làm các đảng bị phân quyền hơn nữa thông qua việc tạo ra các khu vực bầu cử riêng lẻ ở cấp độ liên bang, bang và địa phương - ở mỗi cấp độ các khu vực bầu cử đều có trụ sở riêng. Như trên đã nói, việc tổ chức các cuộc bầu cử sơ bộ để chỉ định các ứng cử viên cũng làm các hệ thống đảng bị suy yếu vì làm cho họ không có khả năng kiểm soát sự lựa chọn các ứng cử viên. Các ứng cử viên độc lập được khuyến khích hình thành các tổ chức vận động bầu cử và các bộ phận phụ trách bầu cử của riêng họ, trước tiên là để giành thắng lợi trong các cuộc bầu cử sơ bộ và sau đó là các cuộc tổng tuyển cử.

Thậm chí việc gây quỹ cho chiến dịch tranh cử phần lớn là trách nhiệm của cá nhân các ứng cử viên độc lập, bởi vì các tổ chức đảng bị hạn chế gắt gao bởi luật pháp quy định số tiền mà họ có thể đóng góp, đặc biệt là cho các chiến dịch vận động tranh cử liên bang.

SỰ HÒAI NGHI VỀ CÁC ĐẢNG PHÁI CHÍNH TRỊ CỦA NGƯỜI MỸ

Mặc dầu có những bằng chứng đầy ấn tượng về sự phân chia đảng phái trong hệ thống chính trị Mỹ nhưng một bộ phận đã bám rễ sâu của nền văn hoá đô thị chính là sự thiếu tin cậy đối với những đảng phái này. Việc tiến hành cuộc bầu cử sơ bộ trực tiếp để chỉ định các ứng cử viên ở các bang và Quốc hội hồi đầu thế kỷ 20 và gần đây là sự phổ biến việc tổ chức các cuộc bầu cử tổng thống sơ bộ mà những cuộc bầu cử này đã trở thành nhân tố quyết định trong việc chỉ định ứng cử viên tổng thống, là bằng chứng để giải thích về tâm lý chống đảng trong công chúng. Người Mỹ không hài lòng về việc lãnh tụ các tổ chức đảng lấn lướt chính phủ.

Các cuộc thăm dò dư luận cho thấy phần lớn cử tri cho rằng các đảng phái chỉ làm vấn đề thêm phức tạp chứ không phải là làm rõ chúng - và sẽ tốt hơn nếu không có nhãn hiệu của các đảng trên lá phiếu.

Các đảng phái chính trị Mỹ không chỉ vận hành trong một môi trường văn hoá nhìn chung là không dễ chịu lắm mà họ còn phải đối mặt với vấn đề là ngày càng có nhiều cử tri thấy được tầm quan trọng của đảng mình bị giảm đi.

Về phần các cử tri, một minh hoạ cho ý thức yếu kém về sự gắn bó với đảng là tỉ lệ "tuần vé" tức là bỏ phiếu cho ứng cử viên của các đảng khác trong cùng một cuộc bầu cử. Năm 1996, 24% cử tri đã "tuần những lá phiếu" của mình bằng việc bỏ phiếu cho các ứng cử viên tổng thống và các ứng cử viên vào Hạ viện của các đảng khác.

Như là một hậu quả từ ảnh hưởng tồi tệ của sự chia rẽ bè phái đối với việc lựa chọn ngày bầu cử của cử tri và xu hướng nhiều người tham gia vào việc bỏ phiếu cho các đảng khác, nền chính trị Mỹ thực ra là "đặt trọng tâm vào các ứng cử viên" hơn là "đặt trọng tâm vào đảng". Điều này có nghĩa là quyền kiểm soát đảng đã được phân chia cho ngành hành pháp và lập pháp của chính phủ đã trở thành một đặc điểm chung của cả chính phủ liên bang và 50 bang.

Trên thực tế, trong tất cả các năm ngoại trừ hai năm kể từ 1980, chức tổng thống và ít nhất là một viện của Quốc hội đều do các đảng khác nhau kiểm soát, và 24 bang có quyền kiểm soát đảng bị phân chia sau các cuộc bầu cử 1998.

CÁC ĐẢNG THỨ BA VÀ CÁC ỨNG CỬ VIÊN ĐỘC LẬP

Như bản thống kê ở trang 6 cho thấy, các đảng thứ ba và các ứng cử viên độc lập là một đặc điểm có tính chất định kỳ trong nền chính trị Mỹ.

Thường thì họ đưa ra trước công chúng và đưa vào các chương trình nghị sự của chính phủ những vấn đề xã hội mà các chính đảng không giải quyết được. Thế nhưng hầu hết các đảng thứ ba có xu hướng thành công trong những cuộc bầu cử riêng lẻ thì sau đó chết, tàn lụi hoặc bị một trong các chính đảng lôi kéo. Kể từ những năm 1850 chỉ có duy nhất một đảng mới là đảng Cộng hòa xuất hiện và giành được địa vị của một chính đảng. Lúc đó có một vấn đề

về đạo lý hết sức lôi cuốn. Đó chính là vấn đề nô lệ - vấn đề làm chia rẽ dân tộc, tạo ra cơ sở cho việc thu hút thêm ứng cử viên và huy động cử tri.

Mặc dù bảng đó cho thấy các đảng thứ ba không có sự ủng hộ để có thể tồn tại lâu dài, song có bằng chứng cho thấy những đảng này có thể có tác động lớn tới kết quả của cuộc bầu cử. Chẳng hạn như việc đảng thứ ba của Roosevelt ra ứng cử năm 1892 và không bỏ phiếu cho đảng Cộng hòa đã làm cho Woodrow Wilson người của đảng Dân chủ thắng cử với chưa đủ đa số phiếu của cuộc bầu phiếu phổ thông.

Năm 1992, việc H. Ross Perot ra ứng cử đã thu hút được nhiều cử tri. Vào những năm 1980 những cử tri này có truyền thống bỏ phiếu cho đảng Cộng hòa và điều này đã góp phần dẫn đến sự thất bại của tổng thống đương nhiệm là người của đảng Cộng hòa lúc đó là George Bush. Vì vậy hầu như không có gì đáng ngạc nhiên khi các nhà lãnh đạo của cả đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ cực kỳ quan tâm đến tác động của các đảng thứ ba hoặc các ứng cử viên độc lập có khả năng.

Các bản thăm dò dư luận trong giai đoạn nước rút của cuộc bầu cử năm 1996 liên tục cho thấy cho các đảng thứ ba nhận được sự ủng hộ rất mạnh mẽ. Cuộc trưng cầu dân ý của Gallup năm 1995 cho thấy 62% dân chúng ủng hộ việc hình thành một đảng thứ ba. Chính những quan điểm như chi tiêu cho vận động tranh cử rất thoág này đã làm cho nhà tỉ phú bang Texas Perot giành được 19% phiếu bầu phổ thông cho tổng thống năm 1992, tỉ lệ cao nhất giành cho một ứng cử viên không thuộc các chính đảng kể từ khi Theodore Roosevelt (đảng Tiến Bộ) giành được 27% năm 1992.

Mặc dù có minh chứng về sự ủng hộ lớn cho một đảng thứ ba song vẫn có những bức rào cản trở không cho đảng thứ ba đó giành được chức tổng thống hay thậm chí là được bầu một số lượng đáng kể các nghị sĩ và hạ nghị sĩ. Một trong những rào cản quan trọng nhất chính là việc các cử tri sợ rằng nếu họ bầu cho một ứng cử viên đảng thứ ba họ sẽ "lãng phí" những lá phiếu của mình. Người ta thấy là cử tri đã tham gia vào việc "bỏ phiếu chiến lược" bằng việc bỏ phiếu cho sự lựa chọn thứ hai của họ khi họ cảm nhận được rằng ứng cử viên của đảng thứ ba không có cơ hội giành chiến thắng.

Chẳng hạn như năm 1980 ứng cử viên độc lập theo đường lối ôn hòa, ông John B. Anderson chỉ nhận được số phiếu bầu của 57% cử tri những người xếp ông ở vị trí cao nhất và năm 1992, trong số cử tri xếp ông ở vị trí cao nhất thì có 72% bầu ông ta nhưng 21% thì không.

Cũng có hiện tượng "phản đối" việc bỏ phiếu cho các ứng cử viên của đảng thứ ba. Các cuộc thăm dò dư luận cho thấy năm 1992, 5% cử tri của Perot nói rằng họ sẽ không bỏ phiếu cho ông ta nếu họ nghĩ ông ta có thể thắng.

Các đảng thứ ba và các ứng cử viên độc lập cũng phải đối mặt với một vấn đề sau bầu cử mà rất dễ làm người ta nản lòng khi họ giành được chức tổng thống. Lẽ dĩ nhiên đây là vấn đề quản lý-sắp xếp một bộ máy chính quyền và sau đó là làm việc với một Quốc hội do đảng Cộng hòa hoặc đảng Dân chủ kiểm soát, những người sẽ chỉ có những khuyến khích hạn chế để hợp tác với một vị tổng thống không thuộc một chính đảng nào.

CÁC ĐẢNG THỨ BA TRONG CUỘC BẦU CỬ TỔNG THỐNG

ĐẢNG THỨ BA	NĂM	% SỐ PHIẾU BẦU PHỔ THÔNG	PHIẾU BẦU CỦA CỬ TRI ĐOÀN	SỐ PHẬN CỦA ĐẢNG TRONG CUỘC BẦU CỬ TIẾP THEO
Anti-Masonic	1832	7.8	7	Ủng hộ ứng cử viên của Whig
Đất Tự Do	1848	10.1	0	Nhận được 5% phiếu bầu, với sự ủng hộ của ứng cử viên đảng Cộng hòa
Whig-American	1856	21.5	8	Giải tán

Đảng Dân chủ miền Nam	1860	18.1	72	Giải tán
Constitutional Union	1860	12.6	39	Giải tán
Populist	1892	8.5	22	Ủng hộ ứng cử viên đảng Dân chủ
Đảng Tiến Bộ (T. Roosevelt)	1912	27.5.	88	Quay trở lại với đảng Cộng hòa
Đảng Xã Hội	1912	6.0	0	Nhận được 3.2% phiếu bầu
Đảng Tiến Bộ (Lafollette)	1924	16.6	13	Quay trở lại với đảng Cộng hòa
State Rights Democrat	1948	2.4	39	Giải tán
Đảng Tiến Bộ (H.Wallace)	1948	2.4	0	Nhận được 1.4% phiếu bầu
Đảng Độc lập Mỹ (G.Wallace)	1968	13.5	46	Nhận được 1.4% phiếu bầu
John B. Anderson	1980	7.1	0	Không tranh cử năm 1994
H.Ross Perot	1992	18.9	0	Hình thành đảng Cải cách và tiếp tục tranh cử năm 1996
Đảng Cải cách (H.Ross Perot)	1996	8.4	0	Perot tham gia vào cuộc đấu tranh giành quyền kiểm soát đảng Cải cách

CỬ TRI ĐOÀN

Khi các cử tri Mỹ đi bỏ phiếu để bầu tổng thống nhiều người cho rằng họ đang tham gia vào một cuộc bầu cử tổng thống trực tiếp. Về mặt pháp lý thì điều này không đúng do có sự tồn tại của cử tri đoàn, một di sản của hiến pháp của thế kỷ 18. Cử tri đoàn là cái tên đặt cho một nhóm " các đại biểu" những người được các nhà hoạt động chính trị và các thành viên của các đảng ở các bang chỉ định ra. Khi đã cam kết ủng hộ một ứng cử viên này hoặc ứng cử viên khác, vào ngày bầu cử các đại biểu này được bầu lên có tính chất đại chúng. Tháng 12 sau cuộc bỏ phiếu bầu tổng thống các đại biểu có mặt tại thủ phủ của các bang để bỏ phiếu bầu tổng thống và phó tổng thống. Để trở thành tổng thống đòi hỏi ứng cử viên phải đạt được 270 phiếu bầu của các đại biểu.

Trong lịch sử hiện đại, đại biểu cử tri thường bỏ phiếu cho người thắng cử trong cuộc bầu phiếu phổ thông. Cho dù vì ý định và mục đích gì, lá phiếu của đại cử tri thường ủng hộ cho bất kỳ ai đã thắng trong cuộc bầu phiếu phổ thông, làm tăng rõ ràng số phiếu của ứng cử viên đã thắng và tăng tính hợp pháp của lá phiếu phổ thông.

Tuy nhiên, vẫn có khả năng là trong một cuộc chạy đua sát sao hay một cuộc chạy đua giữa nhiều đảng, cử tri đoàn có thể không bầu 270 phiếu vì lợi ích của bất cứ một ứng cử viên nào- trong tình huống này Hạ viện sẽ chọn vị tổng thống tiếp theo. Hệ thống cử tri đoàn được hình thành theo điều 2 khoản I Hiến pháp Mỹ. Trong khi nó là chủ đề của những cuộc tranh cãi không gay gắt lắm trong những năm gần đây thì nó cũng được xem là một lực lượng ổn định trong hệ thống bầu cử.

NGÀY NAY CỬ TRI ĐOÀN HOẠT ĐỘNG NHƯ THẾ NÀO?

- ❖ Các cử tri đã đăng ký ở 50 bang và quận Côlômbia bỏ phiếu bầu tổng thống và phó tổng thống vào ngày thứ ba tuần đầu tiên của tháng 11 trong năm bầu cử tổng thống.
- ❖ ứng cử viên giành được thắng lợi trong cuộc bầu phiếu phổ thông thường giành được tất cả phiếu bầu của cử tri đoàn của bang (Về mặt pháp lý, tất cả các đại biểu cam kết ủng hộ các ứng cử viên đều được bầu).
- ❖ Số lượng đại biểu của mỗi bang bằng số thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ ở bang đó. Quận Côlômbia không có đại diện bầu trong Quốc hội, được ba lá phiếu cử tri.
- ❖ Các đại biểu gặp nhau và chính thức bầu tổng thống và phó tổng thống vào ngày thứ hai tuần thứ ba trong năm bầu cử tổng thống. Ứng cử viên nào được lựa chọn phải đạt được đa số phiếu bầu. Vì có 538 đại biểu, tối thiểu 270 là cần thiết để giành thắng lợi.

- ❖ Nếu không có ứng cử viên tổng thống nào giành được đa số phiếu bầu của cử tri đoàn, Hạ viện phải quyết định người giành chiến thắng trong số ba người giành số phiếu cao nhất của cử tri đoàn. Bằng việc đó, thành viên của Hạ viện biểu quyết theo các bang với mỗi phái đoàn của một bang được một phiếu.
- ❖ Nếu không có ứng cử viên phó tổng thống nào giành được đa số phiếu bầu, Thượng viện phải quyết định người giành thắng lợi trong số hai người đạt số phiếu cao nhất của cử tri đoàn. Tổng thống và phó tổng thống tuyên thệ nhậm chức vào ngày 20/1 năm sau.

SỐ PHIẾU BẦU CỦA TỪNG BANG

Alabama-9	Illinois-22	Montana-3	Rhode Island-4
Alaska-3	Indiana-12	Nebraska-5	South Carolina-8
Arizona-8	Iowa-7	Nevada-4	South Dakota-3
Arkansa-6	Kansas-6	New Hampshire-4	Tennessee-11
California-54	Kentucky-8	New Jersey-15	Texas-32
Colorado-8	Louisiana-9	New Mexico - 5	Utah-5
Connecticut-8	Maine-4	New York - 33	Vermont-3
Delawave-3	Maryland-10	North Carolina-14	Virginia-13
Quận Cólômbia-3	Massachusetts-12	North Dakota-3	Washington-11
Florida-25	Michigan-18	Ohio-21	West Virginia-5
Georgia-13	Minnesota-10	Oklahoma-8	Wiscosin-11
Hawaii-4	Mississippi-7	Oregon-7	Wyoming-3
Idaho-4	Missouri-11	Pennsylvania-23	

Tổng cộng: 538

Toàn văn bằng tiếng Anh của bài viết có trên Internet tại: <http://usinfo.state.gov/products/pubs/elect00/parties.htm>